TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lâm Hồng Hải.

+ Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- *Thư ký phiên toà:* ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 156/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1978. Nghề nghiệp: Nội trợ

Nơi cư trú: ấp C, xã K, huyện V, tỉnh L.

Bị đơn: Ông Trần Văn Gi, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: ấp C, xã K, huyện V, tỉnh L.

Bà B có mặt tại phiên tòa. Ông Gi vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà B trình bày:

Bà B và ông Trần Văn Gi tự tìm hiểu nhau thời gian hơn một năm mới tiến đến hôn nhân. Hai ông bà tổ chức đám cưới vào tháng 10 năm 1994. Đến ngày 05/8/2014 hai vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, L tại quyển số 47/2014, số 01/2013. Sau khi cưới hai vợ chồng sang Camphuchia sống hai năm, đến năm 1996 thì về sinh sống tại ấp C, xã K, huyện V, tỉnh L cho đến nay, ông Gi làm

nghề thú y, còn bà B thì ở nhà nội trợ. Quá trình chung sống hai vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 20 năm. Từ năm 2014 sau khi đăng ký kết hôn thì ông Gi thay đổi tính nết như không chăm lo cho gia đình, thường xuyên cờ bạc, không tính toán làm ăn. Bà B đã khuyên can nhiều lần nhưng ông Gi vẫn không thay đổi, nên hơn một năm nay cùng chung sống trong một căn nhà nhưng giữa bà và ông Gi ít trò chuyện, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay bà B thấy thực sự không còn tình cảm vợ chồng với ông Gi.

Về con cái: Hai vợ chồng có 02 con chung tên Trần Văn Có, sinh năm 1997 và Trần Văn Hoài, sinh này 05/4/2001. Hiện hai con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bích không yêu cầu giải quyết.

Trước phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị B yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn Gi. Con cái đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung bà B không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn Gi: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã làm thủ tục tống đạt các loại giấy tờ theo đúng qui định của pháp luật, nhưng ông Gi đều vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà B.

Kết quả xác minh của Tòa án cho thấy: Hai vợ chồng bà B và ông Gi chấp hành tốt các qui định của pháp luật, không có vi phạm gì. Bà B thì ở nhà nội trợ, còn ông Gi làm nghề thiến heo, sáng đi tối về nhà. Sự việc mâu thuẫn giữa bà B và ông G thì Chính quyền địa phương không nắm được, vì không ai trình báo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Đối với bị đơn thì chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, còn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị B và ông Trần Văn Gi xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L. Nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, hai vợ chồng có với nhau 02 con chung. Theo lời trình bày của bà B thì thời gian đầu hai vợ chồng sống hạnh phúc, từ năm 2014 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Gi cờ bạc, không lo làm ăn và không quan tâm vợ con. Từ khi Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của bà B thì ông Gi vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

Về con chung: Cháu Trần Văn C và Trần Văn H đều đã trưởng thành, nên không đề cập đến.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 19, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn xin ly hôn của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về việc "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn Gi có nơi cư trú ấp Cả Trốt, xã Khánh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Trần Văn Gi vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Bà B và ông Gi xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L ngày 05/8/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà B cho rằng hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 giữa bà và ông Gi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông Gi cờ bạc, không lo làm ăn và không quan tâm vợ con, bà B đã khuyên can nhiều lần nhưng ông Gi lhông sửa chữa. Hơn một năm nay tuy sống chung một mái nhà nhưng không trò chuyện, không quan tâm đến nhau, nên tình cảm vợ chồng không còn, bà B muốn được ly hôn với ông Gi. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng ông Gi vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa hôm nay, nên không thể hiện ý kiến. Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử, xét thấy mâu thuẫn giữa bà B và ông Gi đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Căn cứ quy định tại các điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà B là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Cháu Trần Văn C và Trần Văn H đều đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Gi vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu ông Gi và bà B có tranh chấp về tài sản và nợ chung thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục chung.

[5] Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của vị Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 19, 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Trần Văn Gi.

2.Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà B đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng theo biên lai số 0004257 ngày 12/12/2018 sang tiền án phí. Nên bà B không phải nộp tiếp tiền án phí.

Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai theo qui định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- VKSND, Chi cục THADS H.Vĩnh Hưng;
- Các đương sự.
- UBND xã Khánh Hưng, H. Vĩnh Hưng.
- Lưu: VT,

Nguyễn Thị Thiệu